

Bản án số: **46/2023/HS-ST.**

Ngày 26 - 9- 2023.

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Ngọc Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Khắc Việt và ông Lương Viết Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Trần Thành Đô - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 42/2023/TLST - HS ngày 08 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST - HS ngày 12 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Quang D, sinh ngày 23 tháng 4 năm 1982 tại tỉnh Tuyên Quang;

Nơi thường trú: Tổ 5, phường N, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Hà D; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ Đảng, đoàn thể: không; con ông Đỗ Xuân H, sinh năm 1949 và bà Đào Thị Qg, sinh năm 1952; có vợ Nguyễn Thị A, sinh năm 1990 (là bị cáo trong cùng vụ án) và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

2. Nguyễn Thị A, sinh ngày 13 tháng 8 năm 1990 tại tỉnh Tuyên Quang;

Nơi thường trú: Tổ 5, phường N, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Kế toán Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Hà D; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ Đảng, đoàn thể: không; con ông Nguyễn Tá T, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1971; có chồng Đỗ Quang D, sinh năm 1982 (là bị cáo trong cùng vụ án) và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chi cục Thuế khu vực thành phố Tuyên Quang - Yên Sơn.

Địa chỉ: Tổ 6, phường Minh Xuân, TP Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: ông Tạ Văn Tuấn – Chi Cục trưởng.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Tuấn A – Đội trưởng Đội kiểm tra thuế số 1; (có mặt).

2. Ông Lê V, trú tại tổ 5, phường N, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Tá Đ, trú tại tổ 7, phường N, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; (vắng mặt).

4. A Hoàng Mạnh H, sinh năm 1983, trú tại thôn 4, xã Lưỡng Vượng, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Chị Lương Huyền Q, sinh năm 1983, trú tại tổ 4, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; Nơi ở hiện tại: Tổ 5, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Hà D (*viết tắt là Công ty Hà D*), mã số doA nghiệp 5000850782, được Phòng đăng ký kinh doA thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận đăng ký doA nghiệp lần đầu ngày 04/6/2018, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 23/8/2019; ngành nghề kinh doA chính của là thiết kế, thi công nội thất; địa chỉ tại tổ 07, phường N, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Người đại diện Công ty theo pháp luật là Đỗ Quang D, sinh năm 1982, làm Giám đốc; Kế toán trưởng Công ty từ năm 2019 đến nay là Nguyễn Thị A, sinh năm 1990, là vợ của D (cùng trú tại tổ 05, phường N, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang).

Trong quá trình sản xuất, kinh doA đồ nội thất gia đình bằng gỗ công nghiệp từ năm 2019 đến năm 2021, Công ty Hà D đã mua nguyên vật liệu là ván gỗ công nghiệp của các đơn vị: Công ty TNHH thương mại dịch vụ Việt Hoàng (địa chỉ tại số 56/438 phố Tây Sơn, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội); Công ty cổ phần thương mại và xuất nhập khẩu Ái Linh (địa chỉ tại số 171 Bạch Đằng, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội); Công ty TNHH sản xuất và dịch vụ Đại Nam (địa chỉ tại thôn Cổ Điện B, xã Tứ Hiệp, huyện ThA Trì, thành phố Hà Nội); Công ty TNHH xây dựng sản xuất và thương mại Bình Din (địa chỉ tại số 719, tổ 7, phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên); Công ty TNHH nội thất và dịch vụ thương mại Văn Dương (địa chỉ tại C4 khu tập thể tỉnh đội, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội); Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tiến Thọ (địa chỉ tại số nhà 1828, đường Hùng Vương,

phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ); Công ty cổ phần thương mại Tân Phú Quý Việt Nam (địa chỉ tại số 8A, ngõ 126 đường Hoàng Văn Thái, phường Phương Mai, quận ThA Xuân, thành phố Hà Nội) và Công ty cổ phần xây lắp và thương mại Thiên Trường Phát (địa chỉ tại số 516, đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội). Các Công ty bán ván gỗ công nghiệp cho Công ty Hà D trên đều xuất Hóa đơn GTGT.

Bên cạnh đó, với mục đích trốn thuế, D và A còn liên hệ mua hàng hóa trên các trang mạng xã hội gồm các tấm ván gỗ công nghiệp, các phụ kiện, linh kiện có liên quan của một số cơ sở kinh doanh (không xác định được tên, địa chỉ); việc mua bán này đều không có hóa đơn GTGT hay giấy tờ gì khác; cách thức thanh toán tiền mua hàng hóa cho các cơ sở kinh doanh trên mạng được D và A gửi bằng tiền mặt thông qua các lái xe ô tô chở hàng, không có giấy tờ gì ghi nhận (không xác định được tên tuổi, địa chỉ của những người lái xe ô tô). Do D và A mua hàng hóa của các cơ sở kinh doanh trên mạng xã hội, mỗi lần mua nhiều loại hàng hóa nhỏ, lẻ, nên không xác định được số lượng hàng hóa trong từng lần mua.

Sau khi mua được các nguyên vật liệu trên, D và A thuê nhân viên thiết kế và công nhân để gia công, sản xuất thành các sản phẩm nội thất gia đình như giường, tủ, bàn, kệ tivi... tại Xưởng sản xuất của Công ty thuộc tổ 7, phường N, thành phố Tuyên Quang và bán các sản phẩm này cho các khách hàng có nhu cầu. Trong đó, D và A thống nhất khi khách hàng là tổ chức hoặc cá nhân mua hàng hóa và cần hóa đơn GTGT, thì Công ty Hà D sẽ xuất hóa đơn GTGT theo giá trị hàng hóa và cộng thêm 10% thuế GTGT, tiền mua hàng được khách hàng chuyển vào tài khoản số 118002662621 của Công ty mở tại Vietinbank Chi nhánh Tuyên Quang; còn đối với khách hàng không cần hóa đơn GTGT, thì D và A yêu cầu khách hàng chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của A số 101868735065 mở tại Vietinbank Chi nhánh Tuyên Quang (mục đích trốn thuế).

Từ năm 2019 đến năm 2021, Công ty Hà D báo cáo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), thuế GTGT như sau:

- Năm 2019, doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ là 498.651.314 đồng. Tổng chi phí là 638.792.219 đồng. Thuế GTGT phải nộp là 0 đồng. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN là âm 140.140.905 đồng.

- Năm 2020, doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ là 349.522.603 đồng. Tổng chi phí là 543.409.440 đồng. Thuế GTGT phải nộp là 0 đồng. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN là âm 193.886.837 đồng.

- Năm 2021, doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ là 460.977.907 đồng. Tổng chi phí là 690.034.900 đồng. Thuế GTGT phải nộp là 0 đồng. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN là âm 229.056.993 đồng.

Tuy nhiên trên thực tế từ năm 2019 đến năm 2021, khi khách hàng mua hàng hóa và thanh toán tiền bằng hình thức chuyển tiền vào số tài khoản 101868735065 của A mở tại Vietinbank Chi nhánh Tuyên Quang, thì Công ty Hà D không xuất hóa đơn GTGT, không hạch toán số tiền bán hàng hóa này vào sổ sách kế toán của Công ty, không kê khai quyết toán thuế GTGT, thuế TNDN gồm: Năm 2019, có 32 khách hàng

mua hàng, chuyển tiền vào tài khoản của A, tổng số tiền phát sinh có là 798.962.600 đồng; Năm 2020, có 59 khách hàng mua hàng, chuyển tiền vào tài khoản A, tổng số tiền phát sinh có là 2.054.940.550 đồng; Năm 2021, có 71 khách hàng mua hàng, chuyển tiền vào tài khoản của A, tổng số tiền phát sinh có là 2.499.153.500 đồng.

Tổng số tiền bán hàng không xuất hoá đơn GTGT, không hạch toán vào sổ sách kế toán của Công ty Hà D, không kê khai quyết toán thuế GTGT, thuế TNDN từ năm 2019 đến năm 2021 là 5.353.056.650 đồng.

* Giám định về thuế đối với hành vi của Đỗ Quang D, Nguyễn Thị A

- Tại Kết luận giám định ngày 09/5/2023 của Giám định viên tư pháp thuộc Cục Thuế tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Hành vi kinh doanh doA không xuất hoá đơn GTGT, không kê khai thuế GTGT không kê khai doA thu bán hàng của công ty Hà D đối với doA thu bán hàng hoá, dịch vụ cho 23 khách hàng năm 2019 là 575.609.000 đồng, 50 khách hàng năm 2020 là 1.539.423.050 đồng và 58 khách hàng năm 2021 là 1.946.681.000 đồng được xác định là hành vi trốn thuế, trong đó: Số thuế GTGT trốn là 406.171.305 đồng (năm 2019: 29.351.984 đồng, năm 2020: 175.706.738 đồng, năm 2021: 201.112.583 đồng); Số thuế TNDN trốn còn phải nộp của năm 2021 là 63.270.843 đồng (thuế TNDN được miễn năm 2019, 2020 và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp năm 2021 do áp dụng theo quy định khoản 10 Điều 18 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính).

- Tại Kết luận giám định bổ sung ngày 28/7/2023 của Giám định viên tư pháp thuộc Cục Thuế tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Hành vi kinh doanh doA không xuất hoá đơn GTGT, không kê khai thuế GTGT không kê khai doA thu bán hàng của công ty Hà D đối với doA thu bán hàng hoá, dịch vụ cho 10 khách hàng năm 2019 là 223.353.600 đồng, 15 khách hàng năm 2020 là 515.517.500 đồng và 15 khách hàng năm 2021 là 552.472.500 đồng được xác định là hành vi trốn thuế, trong đó: Số thuế GTGT trốn là 129.134.360 đồng (năm 2019: 22.335.360 đồng, năm 2020: 51.551.750 đồng, năm 2021: 55.247.250 đồng); Số thuế TNDN trốn còn phải nộp của năm 2021 là 23.480.081 đồng.

Như vậy, tổng số tiền thuế trốn của Công ty Hà D từ năm 2019 đến năm 2021 là 622.056.589 đồng, trong đó: Thuế GTGT trốn là 535.305.665 đồng; thuế TNDN trốn là 86.750.924 đồng.

Tại Cáo trạng số 45/CT-VKSTQ-P1 ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Đỗ Quang D và Nguyễn Thị A về tội Trốn thuế theo khoản 2 Điều 200 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Đỗ Quang D, bị cáo Nguyễn Thị A trình bày: Các bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai và rất ân hận về hành vi của mình, gia đình bị cáo hiện nay rất khó khăn, do vậy chưa thể nộp đủ số tiền thuế đã trốn theo kết luận của cơ quan giám định, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng hình phạt là hình phạt tù và xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo, được cải tạo tại địa phương.

Chi cục Thuế khu vực thành phố Tuyên Quang – Yên Sơn có ý kiến: Yêu cầu các bị cáo Đỗ Quang D, Nguyễn Thị A nộp lại số tiền 622.056.589 đồng tiền trốn thuế.

Kết thúc phần trA luận, Kiểm sát viên trình bày luận tội giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Quang D, Nguyễn Thị A phạm tội Trốn thuế.

Căn cứ: Khoản 2, khoản 4 Điều 200; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đỗ Quang D từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, đề nghị Hội đồng xét xử ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo. Phạt tiền bị cáo từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Căn cứ: Khoản 2, khoản 4 Điều 200; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị A từ 01 (một) đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, đề nghị Hội đồng xét xử ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo. Phạt tiền bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: Chi cục thuế khu vực thành phố Tuyên Quang – Yên Sơn yêu cầu các bị cáo phải nộp lại số tiền trốn thuế là 622.056.589 đồng. Trong giai đoạn điều tra, chuẩn bị xét xử các bị cáo đã nộp số tiền 330.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và buộc các bị cáo phải tiếp tục nộp lại số tiền 292.056.589 đồng cho Chi cục Thuế khu vực thành phố Tuyên Quang – Yên Sơn. Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tham gia trA luận. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến trA luận.

Kết thúc phần trA luận, các bị cáo nói lời sau cùng đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Đỗ Quang D và Nguyễn Thị A tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với quá trình điều tra, phù hợp với lịch sử giao dịch chuyển tiền tại tài khoản số 101686735065 của bị cáo Nguyễn Thị A mở tại Vietinbank chi nhánh Tuyên Quang; các đồ vật, tài liệu bị thu giữ; kết luận giám định; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Từ năm 2019 đến năm 2021, Đỗ Quang D là Giám đốc và Nguyễn Thị A (vợ của D) là Kế toán Công ty Hà D (địa chỉ tại tổ 7, phường N, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang) có hành vi kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đồ nội thất gia đình như

giường, tủ, bàn, kệ tivi..., nhưng không xuất hóa đơn hoá trị gia tăng, không hạch toán số tiền bán hàng hóa vào sổ sách kế toán của Công ty mà chuyển vào tài khoản cá nhân của A số 101686735065 mở tại Vietinbank Chi nhánh Tuyên Quang (năm 2019 là 798.962.600 đồng, năm 2020 là 2.054.940.550 đồng và năm 2021 là 2.499.153.500 đồng) với mục đích giấu doA thu thực tế nhằm trốn thuế cho Công ty Hà D. Tổng số tiền thuế trốn là 622.056.589 đồng, trong đó: Thuế GTGT trốn là 535.305.665 đồng; thuế TNDN trốn là 86.750.924 đồng. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Đỗ Quang D và Nguyễn Thị A về tội Trốn thuế theo quy định tại khoản 2 điều 200 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã vi phạm quy định của Nhà nước về thuế, xâm phạm tới lợi ích của Nhà nước trong hoạt động thu thuế, nộp ngân sách cho Nhà nước từ đó gây thất thoát nguồn thu của nhà nước. Các bị cáo biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật nên cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời để phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong vụ án này, các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn do vậy không bị coi là phạm tội có tổ chức. Vai trò, tính chất, mức độ trong hành vi phạm tội của các bị cáo cụ thể như sau: Bị cáo Đỗ Quang D khi thực hiện hành vi phạm tội là Giám đốc, bị cáo Nguyễn Thị A là kế toán Công ty Hà D, các bị cáo là vợ chồng, cùng thống nhất cách thức kinh doanh nhưng không xuất hóa đơn theo quy định, không hoạch toán số tiền bán hàng hóa mà chuyển vào tài khoản cá nhân của bị cáo A với mục đích giấu doA thu thực tế nhằm trốn thuế cho Công ty Hà D, do vậy có vai trò ngang bằng nhau.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Đỗ Quang D, Nguyễn Thị A không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo đã tự nguyện nộp một phần tiền để khắc phục hậu quả, là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tuy nhiên các bị cáo mới khắc phục một phần số tiền trốn thuế do vậy không áp dụng hình phạt tiền mà cần áp dụng hình phạt tù là hình phạt chính đối với các bị cáo, xử phạt cả hai bị cáo mức án ngang nhau là phù hợp. Xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật cần xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, cho các bị cáo được hưởng án treo, được cải tạo tại địa phương như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng đảm bảo nghiêm minh, có tính giáo dục, răn đe, phòng ngừa và đấu tranh phòng chống tội phạm.

Xét thấy về hình phạt chính Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với các bị cáo đã là nghiêm minh nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Đỗ Quang D, Nguyễn Thị A.

[5] Về biện pháp tư pháp: Chi cục thuế khu vực thành phố Tuyên Quang – Yên Sơn đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo có nghĩa vụ nộp lại số tiền trốn thuế là 622.056.589 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của Chi cục thuế khu vực thành phố Tuyên Quang là phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử các bị cáo Đỗ Quang D, Nguyễn Thị A đã tự nguyện nộp số tiền 330.000.000 đồng cho Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả. Do vậy cần chuyển số tiền này sang tài khoản của Chi cục thuế khu vực thành phố Tuyên Quang Yên Sơn để sung quỹ Nhà nước. Buộc các bị cáo Đỗ Quang D, Nguyễn Thị A có trách nhiệm nộp tiếp số tiền 292.056.589 đồng (*Hai trăm chín mươi hai triệu không trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm tám mươi chín đồng*).

[6] Về mức án Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử thấy phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên chấp nhận.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Đối với các Anh Lê V và Nguyễn Tá Đ là các cổ đông Hội đồng quản trị của Công ty Hà D: Quá trình điều tra xác định các A Vinh và Đạt chỉ được bị can Đỗ Quang D nhờ đứng tên trong Hội đồng quản trị Công ty Hà D; các A V và Đ không biết, không tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, không được chia cổ tức hay lợi ích gì; không biết việc D và A thực hiện hành vi trốn thuế. Do đó, không đề cập xử lý.

Đối với ông Hoàng Mạnh H và bà Lương Huyền Q là công chức của Chi cục Thuế khu vực thành phố Tuyên Quang - Yên Sơn: Được phân công nhận xét hồ sơ khai thuế của Công ty Hà D, ông H và bà Q đã thực hiện việc phân tích tính rủi ro về thuế đối với Công ty Hà D theo quy định, tuy nhiên việc kiểm tra, phân tích được thực hiện trên hồ sơ khai thuế của Công ty do các khách hàng mua hàng hoá của Công ty Hà D nhưng D và A yêu cầu chuyển vào tài khoản cá nhân của A nên quá trình kiểm tra không phát hiện rủi ro. Do đó, không có căn cứ để chứng minh ông H và bà Q thiếu trách nhiệm trong quá trình được phân công nhận xét hồ sơ khai thuế của Công ty Hà D, nên không đề cập xử lý.

Đối với các cơ sở kinh doanh đã bán hàng cho Công ty Hà D nhưng không xuất hoá đơn GTGT hay giấy tờ nào khác, quá trình điều tra không xác định được tên và địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (kháng cáo phần liên quan) được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Quang D, Nguyễn Thị A phạm tội: Trốn thuế.

1. Về hình phạt:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Quang D 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm tù, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/9/2023).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị A 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm tù, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/9/2023).

Giao các bị cáo Đỗ Quang D, Nguyễn Thị A cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu các bị cáo được hưởng án treo thực hiện hành vi phạm tội mới thì buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 60 của Bộ luật Hình sự.

Trong thời gian thử thách của án treo nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự:

Buộc các bị cáo Đỗ Quang D, Nguyễn Thị A có trách nhiệm nộp số tiền trốn thuế là 622.056.589 đồng (*Sáu trăm hai mươi hai triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn, năm trăm tám mươi chín đồng*), ghi nhận các bị cáo Đỗ Quang D, Nguyễn Thị A đã tự nguyện nộp số tiền 330.000.000 đồng (*Ba trăm ba mươi triệu đồng*) để khắc phục hậu quả, gồm có:

+ Số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) hiện tạm giữ tại tài khoản số 3949.0.1054495.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo Quyết định chuyển tiền số 188/QĐ-STC ngày 26/9/2023 của Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang.

+ Số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) theo Biên lai số 0003033 ngày 19/9/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

Chuyển số tiền 330.000.000 đồng (*Ba trăm ba mươi triệu đồng*) trên đến tài khoản của Chi cục thuế khu vực thành phố Tuyên Quang - Yên Sơn để sung quỹ Nhà nước.

Buộc các bị cáo Đỗ Quang D, Nguyễn Thị A phải nộp số tiền trốn thuế còn lại là 292.056.589 đồng (*Hai trăm chín mươi hai triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn,*

năm trăm tám mươi chín đồng), trong đó bị cáo Đỗ Quang D có trách nhiệm nộp số tiền 146.028.294 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu không trăm hai mươi tám nghìn hai trăm chín tư đồng), bị cáo Nguyễn Thị A có trách nhiệm nộp số tiền 146.028.294 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu không trăm hai mươi tám nghìn hai trăm chín tư đồng).

Số tiền thu được từ các bị cáo Đỗ Quang D, Nguyễn Thị A giao Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang chuyển đến tài khoản của Chi cục thuế khu vực thành phố Tuyên Quang - Yên Sơn để sung quỹ Nhà nước.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Đỗ Quang D và Nguyễn Thị A mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (kháng cáo phần liên quan) có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh (CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo; người có QL&NVLQ;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ma Ngọc Trung